ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI XUNG QUANH CHO HỌC SINH LỚP 3

Nguyễn Thị Hằng Nga*, Nguyễn Ngọc Mưu, Nguyễn Trương Ly*****
***Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**
****Trường Đại học Sài Gòn**
*****Trường PTDL Hermann Gmeiner**
Email: nnmuu@sgu.edu.vn

Tóm tắt: *Nghiên cứu đề xuất quy trình xây dựng hoạt động học tập nhằm phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh cho học sinh lớp 3. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các nghiên cứu về học tập tìm hiểu và đặc điểm học sinh tiểu học, nghiên cứu xác định cấu trúc năng lực, các nguyên tắc thiết kế và đề xuất quy trình gồm 6 bước: (1) phân tích yêu cầu cần đạt và lựa chọn nội dung; (2) xác định chỉ báo năng lực; (3) xác định vấn đề và nhiệm vụ tìm hiểu; (4) thiết kế yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; (5) xác định sản phẩm, minh chứng và cách đánh giá; (6) sắp xếp, rà soát và hoàn thiện hệ thống hoạt động. Quy trình được minh họa trong chủ đề "Con người và sức khỏe" của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Kết quả tham vấn giảng viên và giáo viên tiểu học cho thấy quy trình được đánh giá tích cực về tính khoa học, phù hợp, khả thi và linh hoạt. Quy trình góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu cần đạt, chỉ báo năng lực, nhiệm vụ, hành động của học sinh, sản phẩm/minh chứng và đánh giá.*

Từ khóa: *hoạt động học tập; năng lực tìm hiểu; môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; học sinh lớp 3; Tự nhiên và Xã hội.*

A PROPOSED PROCEDURE FOR DESIGNING LEARNING ACTIVITIES TO DEVELOP GRADE 3 STUDENTS' COMPETENCE IN EXPLORING THE SURROUNDING NATURAL AND SOCIAL ENVIRONMENT

Abstract: *This study proposes a procedure for designing learning activities to develop Grade 3 students' competence in exploring the surrounding natural and social environment. Based on the 2018 General Education Curriculum, research on inquiry-based learning, and the characteristics of primary school students, the study identifies the competence structure, design principles, and a six-step procedure: (1) analyzing required learning outcomes and selecting suitable content; (2) identifying competence indicators; (3) defining inquiry problems and tasks; (4) designing task requirements; (5) determining expected products, evidence, and assessment methods; and (6) organizing, reviewing, and refining the learning activity system. The procedure is illustrated through the Grade 3 Natural and Social Sciences topic "Humans and Health." Consultation with 32 lecturers and primary school teachers showed positive evaluations of the procedure in terms of scientific soundness, appropriateness, feasibility, and flexibility. The proposed procedure helps align required learning outcomes, competence indicators, inquiry tasks, students' actions, products/evidence, and assessment.*

Keywords: *learning activities; inquiry competence; natural and social environment; Grade 3 students; Natural and Social Sciences.*

Nhận bài: 23/08/2026 *Phản biện: 23/09/2026* *Duyệt đăng: 27/09/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 định hướng chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Trong môn Tự nhiên và Xã hội (TN&XH) ở tiểu học, năng lực khoa học gồm ba thành phần: nhận thức khoa học; tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Trong đó, năng lực tìm hiểu thể hiện ở khả năng học sinh (HS) đặt câu hỏi, quan sát, thực hành, thu thập thông tin và đưa ra nhận xét, so sánh có căn cứ về các sự vật, hiện tượng gần gũi (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b). Vì vậy, năng lực này cần được hình thành thông qua các hoạt động học tập gắn với xác định vấn đề, đặt câu hỏi, quan sát, thu thập và xử lí thông tin, thay vì chủ yếu tiếp nhận kiến thức thụ động. Skulmowski (2024) nhấn mạnh rằng hoạt động của người học chỉ có ý nghĩa khi trực tiếp phục vụ mục tiêu nhận thức.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy hiệu quả phát triển năng lực tìm hiểu phụ thuộc đáng kể vào cách thiết kế nhiệm vụ và sự hỗ trợ của giáo viên (GV). Chen và Chen (2025) xác định quá trình tìm hiểu ở K–12 thường gồm các giai đoạn định hướng vấn đề, thu thập và xử lí thông tin, hình thành kết luận và chia sẻ kết quả; trong khi Sasse và cộng sự (2025) nhấn mạnh sự kết hợp giữa hướng dẫn có kế hoạch và hỗ trợ linh hoạt nhằm từng bước phát triển tính tự chủ của HS.

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu đã tập trung xác định thành tố năng lực tìm hiểu, xây dựng trò chơi học tập hoặc hệ thống bài tập trong môn TN&XH và môn Khoa học (Tạ Thị Kim Nhung & Trần Thanh Nguyên, 2023; Tạ Thị Kim Nhung và cộng sự, 2024; Nguyễn Thị Hằng Nga và cộng sự, 2026). Tuy nhiên, vẫn cần một quy trình có tính hệ thống để chuyển hóa yêu cầu cần đạt (YCCĐ) và chỉ báo năng lực thành vấn đề, nhiệm vụ tìm hiểu, hành động của HS, sản phẩm/minh chứng và tiêu chí đánh giá.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất quy trình xây dựng hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh cho HS lớp 3, đồng thời minh họa việc vận dụng trong chủ đề "Con người và sức khỏe". Nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi: (1) Hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu cho HS lớp 3 cần đáp ứng những yêu cầu nào? (2) Quy trình xây dựng hoạt động học tập gồm những bước nào và được vận dụng như thế nào trong môn TN&XH lớp 3?

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phối hợp bốn phương pháp chính: (1) Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận: phân tích, tổng hợp tài liệu về năng lực tìm hiểu, học tập tìm hiểu và phân tích Chương trình GDPT 2018 môn TN&XH; (2) Nhóm phương pháp thiết kế giáo dục: xây dựng khung cấu trúc năng lực, xác định các dạng hoạt động và đề xuất quy trình 6 bước thiết kế hoạt động học tập; (3) Nhóm phương pháp tham vấn chuyên gia và điều tra bằng bảng hỏi: khảo sát 32 giảng viên và giáo viên tiểu học theo thang Likert 5 mức độ trên 4 tiêu chí: tính khoa học, tính phù hợp, tính khả thi và tính linh hoạt; (4) Nhóm phương pháp thống kê toán học: sử dụng SPSS tính Mean và SD để xử lí dữ liệu định lượng và kiểm định độ tin cậy của kết quả thẩm định.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

3.1.1. Khái niệm năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Theo Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018, năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh thể hiện qua việc học sinh đặt câu hỏi, quan sát, thực hành, thu thập, xử lí thông tin, nhận xét và so sánh dựa trên minh chứng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; National Research Council, 2012; Vo & Simmie, 2025). Năng lực này cần được cụ thể hóa thành các hành động có thể quan sát và phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học (Tạ Thị Kim Nhung & Trần Thanh Nguyên, 2023; Tạ Thị Kim Nhung và cộng sự, 2024). Từ đó, nghiên cứu xác định năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh của học sinh lớp 3 là khả năng đặt câu hỏi; lựa chọn và thực hiện cách tìm hiểu; thu thập, xử lí thông tin; đưa ra nhận xét, so sánh có căn cứ về các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ gần gũi.

3.1.2. Cấu trúc và biểu hiện của năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Trên cơ sở Chương trình GDPT 2018 và các nghiên cứu về năng lực tìm hiểu và đặc điểm học sinh lớp 3, nghiên cứu đề xuất cấu trúc gồm 4 thành tố và 8 chỉ báo. Cấu trúc bảo đảm tính quá trình, tính hành động, dựa trên minh chứng và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.

Bảng 1. Khung cấu trúc của năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Thành tố	Chỉ báo (CB)
1. Xác định nội dung và đặt câu hỏi tìm hiểu	CB1: Xác định đối tượng/nội dung cần tìm hiểu. CB2: Đặt câu hỏi đơn giản, rõ nghĩa, phù hợp.
2. Thực hiện hoạt động tìm hiểu và thu thập thông tin	CB3: Lựa chọn/thực hiện cách tìm hiểu phù hợp. CB4: Thu thập và ghi nhận thông tin liên quan.
3. Xử lí thông tin và hình thành nhận xét	CB5: Sắp xếp, đối chiếu hoặc so sánh thông tin. CB6: Đưa ra nhận xét có căn cứ từ kết quả tìm hiểu.
4. Trình bày và trao đổi kết quả	CB7: Trình bày kết quả bằng hình thức phù hợp. CB8: Trao đổi, trả lời câu hỏi và bước đầu chỉ ra căn cứ cho nhận xét.

Cấu trúc gồm 4 thành tố và 8 chỉ báo, kế thừa các biểu hiện cốt lõi của Chương trình GDPT 2018 và cụ thể hóa quá trình tìm hiểu từ đặt câu hỏi, lựa chọn cách tìm hiểu, thu thập, xử lí đến trình bày thông tin. Năng lực được đánh giá theo 3 mức: bước đầu, đạt yêu cầu và thành thạo ở mức phù hợp với học sinh lớp 3, tương ứng với mức độ hỗ trợ giảm dần và tính chủ động tăng dần. Khung này là cơ sở để thiết kế hoạt động, xác định minh chứng và đánh giá năng lực.

3.2. Hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Phát triển năng lực tìm hiểu đòi hỏi học sinh trực tiếp thực hiện các hành động như đặt câu hỏi, quan sát, thực hành, thu thập và xử lí thông tin, nhận xét, so sánh và trình bày kết quả. Vì vậy, năng lực này được hình thành thông qua việc học sinh thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu với mức độ ngày càng chủ động và độc lập.

Khái niệm: Hoạt động học tập là quá trình học sinh thực hiện những hành động có mục đích để giải quyết nhiệm vụ, qua đó hình thành kiến thức, kĩ năng và năng lực. Giá trị của hoạt động không nằm ở số lượng nhiệm vụ được tổ chức mà ở mức độ các hành động của học sinh gắn trực tiếp với mục tiêu học tập (Skulmowski, 2024). Trong nghiên cứu này, hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh được hiểu là hoạt động trong đó học sinh trực tiếp thực hiện một hoặc một chuỗi hành động tìm hiểu để giải quyết nhiệm vụ, tạo ra sản phẩm hoặc minh chứng, qua đó từng bước nâng cao chất lượng và tính độc lập khi thực hiện nhiệm vụ.

Đặc điểm: Hoạt động cần gắn với chỉ báo năng lực và một vấn đề hoặc nhiệm vụ tìm hiểu rõ ràng; tạo cơ hội để học sinh trực tiếp đặt câu hỏi, quan sát, thực hành, điều tra, thu thập và xử lí thông tin, so sánh, nhận xét hoặc trình bày kết quả. Giáo viên giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và cung cấp mức hỗ trợ phù hợp, đồng thời giảm dần sự hỗ trợ để tăng tính tự chủ của học sinh (Sasse et al., 2025). Các hành động này không phải là những bước bắt buộc mà được lựa chọn và phối hợp tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, cần bảo đảm logic cơ bản từ vấn đề/câu hỏi → cách tìm hiểu → thông tin/minh chứng → nhận xét/kết quả (Chen & Chen, 2025).

Các dạng hoạt động học tập: Từ biểu hiện năng lực và đặc điểm môn Tự nhiên và Xã hội, các dạng hoạt động chủ yếu gồm: quan sát; đặt câu hỏi, xác định vấn đề; điều tra, khảo sát, tìm kiếm thông tin; thực hành, trải nghiệm; xử lí thông tin; so sánh, nhận xét; trình bày và trao đổi kết quả. Các dạng này được lựa chọn, phối hợp linh hoạt tùy mục tiêu và nhiệm vụ; quá trình tìm hiểu thường diễn ra từ định hướng vấn đề, điều tra đến kết luận và trao đổi, trong đó công nghệ có thể hỗ trợ khi phục vụ trực tiếp nhiệm vụ tìm hiểu (Chen & Chen, 2025; Yun & Crippen, 2024).

Cấu trúc của một hoạt động học tập: Một hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu gồm các thành phần cơ bản: (1) bối cảnh hoặc vấn đề xuất phát; (2) mục tiêu và chỉ báo năng lực; (3) nhiệm vụ/câu hỏi tìm hiểu; (4) học liệu và phương tiện; (5) hành động của học sinh và sự hỗ trợ của giáo viên; (6) sản phẩm/minh chứng; và (7) đánh giá, phản hồi. Cấu trúc này bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, nhiệm vụ, hành động học tập và đánh giá, đồng thời tạo cơ sở cho việc xây dựng quy trình thiết kế hoạt động ở phần tiếp theo.

3.3. Chủ đề "Con người và sức khỏe" và xây dựng hệ thống hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

3.3.1. Đặc điểm nội dung chủ đề "Con người và sức khỏe"

Chủ đề "Con người và sức khỏe" trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 tập trung vào các cơ quan tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh và nội dung chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Nội dung gần gũi với cơ thể, thói quen sinh hoạt và trải nghiệm hằng ngày của học sinh, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động quan sát, thực hành, khảo sát và khai thác thông tin. Kết quả tìm hiểu có thể được ghi nhận, so sánh và sử dụng để hình thành nhận xét, qua đó phát triển năng lực tìm hiểu theo tiến trình: đặt câu hỏi → tìm hiểu → thu thập, xử lí thông tin → nhận xét → trình bày kết quả.

3.3.2. Xây dựng hệ thống hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Nguyên tắc xây dựng hệ thống hoạt động học tập

Hệ thống hoạt động cần bảo đảm 5 nguyên tắc: (1) bám sát yêu cầu cần đạt và chỉ báo năng lực; (2) bảo đảm học sinh là chủ thể trực tiếp thực hiện các hành động tìm hiểu, giáo viên chủ yếu tổ chức và hỗ trợ; (3) phù hợp với đặc điểm học sinh lớp 3, bảo đảm rõ ràng, vừa sức, gần gũi và an toàn; (4) bảo đảm tính hệ thống, tăng tiến và giảm dần sự hỗ trợ để nâng cao tính tự chủ; (5) tạo được sản phẩm hoặc hành vi quan sát được làm minh chứng đánh giá năng lực. Các nguyên tắc này được xác

định trên cơ sở Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018 và các nghiên cứu về học tập tìm hiểu, hoạt động học tập và hỗ trợ học sinh tiểu học (Bộ GD&ĐT, 2018; Skulmowski, 2024; Sasse et al., 2025; Chen & Chen, 2025).

Quy trình xây dựng hệ thống hoạt động học tập

Trên Trên cơ sở yêu cầu cần đạt, cấu trúc năng lực và đặc điểm học sinh lớp 3, nghiên cứu đề xuất quy trình 6 bước nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, hoạt động và đánh giá.

Bước 1. Phân tích yêu cầu cần đạt và lựa chọn nội dung có thể tổ chức tìm hiểu. Phân tích YCCĐ để lựa chọn nội dung học sinh có thể quan sát, thực hành, khảo sát hoặc khai thác thông tin. Ví dụ, từ YCCĐ về cơ quan tuần hoàn có thể lựa chọn nội dung tìm hiểu sự thay đổi của nhịp tim trước và sau vận động.

Bước 2. Xác định chỉ báo năng lực cần phát triển. Đối chiếu nội dung với 4 thành tố, 8 chỉ báo để lựa chọn chỉ báo trọng tâm và phối hợp. Với hoạt động về nhịp tim, các chỉ báo trọng tâm gồm thực hiện cách tìm hiểu, ghi nhận thông tin, so sánh và đưa ra nhận xét.

Bước 3. Xác định vấn đề và nhiệm vụ tìm hiểu. Chuyển nội dung thành tình huống, câu hỏi hoặc nhiệm vụ gần gũi, rõ ràng, vừa sức và không chứa sẵn kết luận. Ví dụ: "Nhịp tim của em thay đổi như thế nào trước và sau khi vận động?"

Bước 4. Thiết kế yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu. Xác định chuỗi hành động của học sinh, học liệu, phương tiện, hình thức tổ chức và mức hỗ trợ của giáo viên. Ví dụ: cảm nhận mạch → đếm và ghi số nhịp trước vận động → vận động nhẹ → đếm lại → so sánh → nhận xét.

Bước 5. Xác định sản phẩm, minh chứng và cách đánh giá. Căn cứ chỉ báo để xác định sản phẩm, hành vi quan sát được và công cụ đánh giá phù hợp. Với hoạt động về nhịp tim, sản phẩm có thể là bảng ghi kết quả trước – sau vận động và nhận xét dựa trên số liệu.

Bước 6. Sắp xếp, rà soát và hoàn thiện hệ thống hoạt động. Sắp xếp các hoạt động theo mức độ phức tạp, kiểm tra sự bao phủ chỉ báo, tính khả thi, mức hỗ trợ và sự tăng dần tính tự chủ của học sinh. Chẳng hạn, có thể tổ chức theo trình tự: "Tim và mạch đập ở đâu?" → "Nhịp tim thay đổi như thế nào sau vận động?" → "Những thói quen nào giúp tim khỏe?".

Hệ thống hoạt động học tập trong chủ đề "Con người và sức khỏe"

Từ quy trình trên, nghiên cứu đề xuất hệ thống hoạt động gắn với các nội dung tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh và chăm sóc sức khỏe. Một số hoạt động tiêu biểu gồm:

Bảng 2. Hệ thống hoạt động tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Mã/Tên hoạt động	Nội dung/YCCĐ khai thác	Nhiệm vụ tìm hiểu chủ yếu	Chỉ báo trọng tâm	Sản phẩm /minh chứng
Hoạt động 1. Thức ăn đi đâu sau khi chúng ta ăn?	Cơ quan tiêu hóa và hoạt động ăn, uống, thải bã	Quan sát sơ đồ/mô hình, xác định và sắp xếp đường đi của thức ăn	CB1, CB3, CB4, CB5, CB7	Sơ đồ đường đi của thức ăn; phần trình bày
Hoạt động 2. Nhật kí ăn uống của em	Thói quen ăn uống và sức khỏe tiêu hóa	Ghi nhận thức ăn, đồ uống trong một khoảng thời gian; phân loại và nhận xét	CB3, CB4, CB5, CB6	Nhật kí/bảng phân loại; nhận xét
Hoạt động 3. Tim và mạch đập ở đâu?	Cơ quan tuần hoàn	Quan sát sơ đồ, cảm nhận nhịp đập ở vị trí phù hợp, ghi kết quả	CB1, CB3, CB4, CB7	Phiếu quan sát; trình bày
Hoạt động 4. Nhịp tim thay đổi như thế nào sau vận động?	Hoạt động của tim và tuần hoàn	Đặt câu hỏi, đo/quan sát trước – sau vận động, ghi, so sánh và nhận xét	CB1–CB8	Bảng kết quả; nhận xét dựa trên số liệu

Hoạt động 5. Những thói quen nào giúp tim khỏe?	Chăm sóc hệ tuần hoàn	Khảo sát hoặc khai thác nguồn thông tin về vận động, ăn uống, nghỉ ngơi; đối chiếu và nhận xét	CB2, CB3, CB4, CB5, CB6, CB7	Bảng khảo sát/ poster
Hoạt động 6. Góc "Sức khỏe của chúng em"	Tổng hợp chủ đề	Lựa chọn một vấn đề sức khỏe, tìm thông tin và tạo sản phẩm truyền thông dựa trên kết quả tìm hiểu	CB1–CB8	Poster/sơ đồ/sản phẩm và phần báo cáo

Hệ thống được tổ chức theo hướng tăng dần tính tự chủ của HS, từ thực hiện theo hướng dẫn của GV đến tự lựa chọn cách tìm hiểu, nguồn thông tin và phối hợp các hành động để hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi hoạt động không nhất thiết bao quát cả 8 chỉ báo; quan trọng là toàn bộ hệ thống tạo cơ hội để các chỉ báo được lặp lại và phát triển ở mức cao hơn. Các hình thức như trò chơi, hoạt động nhóm, học ngoài lớp, mô hình, video hay công nghệ chỉ đóng vai trò phương tiện hỗ trợ quá trình tìm hiểu.

3.4. Đánh giá mức độ khả thi của quy trình xây dựng hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

Nghiên cứu tham vấn 32 chuyên gia, gồm 12 giảng viên giáo dục học và 20 giáo viên tiểu học dạy môn Tự nhiên và Xã hội có trên 5 năm kinh nghiệm. Quy trình được đánh giá theo bốn tiêu chí: tính khoa học, phù hợp, khả thi và linh hoạt bằng thang Likert 5 mức (1 – Rất không đồng ý đến 5 – Rất đồng ý). Dữ liệu được xử lí bằng giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD).

Bảng 3. Kết quả thẩm định quy trình xây dựng hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh (Mean ± SD)

Tiêu chí đánh giá	Nội dung khảo sát chi tiết	Giảng viên (n=12)	GV Tiểu học (n=20)	Chung (n=32)
1. Tính khoa học	Phù hợp lí luận dạy học phát triển năng lực	4.67 ± 0.49	4.35 ± 0.67	4.47 ± 0.61
	Các bước quy trình có cơ sở, logic, liên kết	4.50 ± 0.52	4.25 ± 0.64	4.34 ± 0.60
2. Tính phù hợp	Đáp ứng yêu cầu Chương trình TN&XH lớp 3	4.58 ± 0.51	4.55 ± 0.51	4.56 ± 0.51
	Phù hợp đặc điểm nhận thức của HS lớp 3	4.42 ± 0.51	4.50 ± 0.61	4.47 ± 0.57
3. Tính khả thi	Vận dụng tốt trong điều kiện trường tiểu học	4.17 ± 0.72	4.30 ± 0.66	4.25 ± 0.68
	Mục tiêu, cách làm, sản phẩm rõ ràng, dễ thực hiện	4.25 ± 0.62	4.35 ± 0.59	4.31 ± 0.60
4. Tính linh hoạt	Điều chỉnh tốt cho các nội dung/chủ đề khác	4.42 ± 0.51	4.25 ± 0.64	4.31 ± 0.60
	Phù hợp nhiều hình thức tổ chức dạy học	4.33 ± 0.65	4.40 ± 0.60	4.37 ± 0.62
TỔNG THỂ	Trung bình chung tất cả các tiêu chí	4.42 ± 0.57	4.37 ± 0.61	4.39 ± 0.59

Kết quả thẩm định ở Bảng 3 ghi nhận sự phân hóa tự nhiên và độ tin cậy cao giữa các tiêu chí. Trong đó, tính phù hợp đạt điểm cao nhất (Mean = 4,56), khẳng định quy trình bám sát YCCĐ môn TN&XH lớp 3 và phù hợp với nhận thức của học sinh (4,55). Tính khoa học nhận đánh giá vượt trội từ nhóm giảng viên (4,67) nhờ nền tảng lí luận phát triển năng lực vững chắc. Tính linh hoạt đạt

4,31 – 4,37, chứng minh khả năng mở rộng hiệu quả cho các chủ đề khác. Dù có sự chênh lệch nhỏ do góc nhìn thận trọng của giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất (4,17), giáo viên tiểu học trực tiếp đứng lớp vẫn khẳng định tính khả thi cao trong triển khai thực tế (4,30 – 4,35). Mức điểm trung bình chung 4,39 khẳng định quy trình đề xuất bảo đảm tính khoa học, phù hợp và khả thi để áp dụng rộng rãi.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề xuất quy trình 6 bước xây dựng hoạt động học tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh cho học sinh lớp 3, bảo đảm sự liên kết giữa yêu cầu cần đạt, chỉ báo năng lực, nhiệm vụ, hành động học sinh, sản phẩm/minh chứng và đánh giá. Quy trình được minh họa trong chủ đề "Con người và sức khỏe" và được đánh giá tích cực về tính khoa học, phù hợp, khả thi và linh hoạt. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở cho giáo viên thiết kế hoạt động theo hướng tăng tính chủ động của học sinh và cần tiếp tục được kiểm chứng qua thực nghiệm sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).

Chen, F., & Chen, G. (2025). Technology-enhanced collaborative inquiry in K–12 classrooms: A systematic review of empirical studies. Science & Education, 34, 1731–1773.

National Research Council. (2012). A framework for K–12 science education: Practices, crosscutting concepts, and core ideas. The National Academies Press.

Nguyễn Thị Hằng Nga, Nguyễn Ngọc Mưu, Nguyễn Bích Hảo, & Lương Việt Thái. (2026). Xây dựng và sử dụng bài tập phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học chủ đề "Thực vật và Động vật" môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, 351, 143–146.

Sasse, H., Weber, A. M., Reuter, T., & Leuchter, M. (2025). Teacher guidance and on-the-fly scaffolding in primary school students' inquiry learning. Science Education, 109(2), 579–604.

Skulmowski, A. (2024). Learning by doing or doing without learning? The potentials and challenges of activity-based learning. Educational Psychology Review, 36, Article 28.

Tạ Thị Kim Nhung, Phan Đức Duy, & Đặng Thị Dạ Thủy. (2024). Phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh cho học sinh tiểu học trong dạy môn Khoa học. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, 133(6C), 217–236.

Tạ Thị Kim Nhung, & Trần Thanh Nguyên. (2023). Thiết kế trò chơi học tập theo hướng phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, 303(Kì 2 tháng 12), 106–108.

Vo, D. V., & Simmie, G. M. (2025). Assessing scientific inquiry: A systematic literature review of tasks, tools and techniques. International Journal of Science and Mathematics Education, 23, 871–906.

Yun, M., & Crippen, K. J. (2024). The use of educational technology in inquiry-based elementary science education: A systematic review. International Journal of Science Education, 46(12), 1256–1279. https://doi.org/10.1080/09500693.2023.2284689